

Năm học: 2017 - 2018

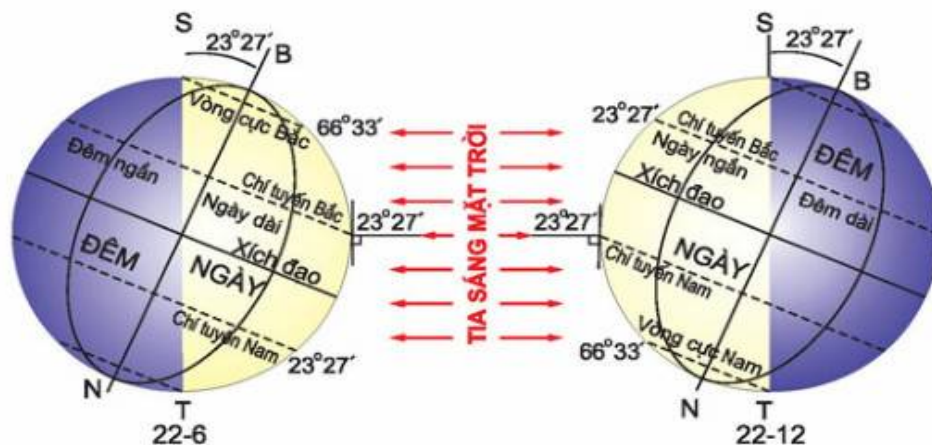
ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: Địa Lý

Thời gian: 150 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (4 điểm)

a) (3 điểm) Dựa vào kiến thức đã học và hình vẽ dưới đây, phân tích hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau trong các ngày 22-6 (hạ chí) và 22-12 (đông chí).



Hình 24. Vị trí của Trái Đất trên quỹ đạo quanh Mặt Trời vào các ngày hạ chí và đông chí

b) (1 điểm) Bản đồ 1 có tỉ lệ 1:200.000 và bản đồ 2 có tỉ lệ 1:2.000.000. Hỏi bản đồ nào có tỉ lệ lớn hơn? Vì sao?

Câu 2 (4 điểm) Trình bày khái quát về Biển Đông? Ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu, địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển nước ta?

Câu 3 (5 điểm) Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng?

Câu 4 (5 điểm) Cho bảng số liệu sau đây:

Diện tích, năng suất và sản lượng lúa cả năm của nước ta thời kì 1990 – 2010

Chỉ tiêu \ Năm	1990	1995	2000	2005	2008	2010
Diện tích (nghìn ha)	6042,8	6765,6	7666,3	7329,2	7422,2	7489,4
Năng suất (tạ/ha)	31,8	36,9	42,4	48,9	52,3	53,4
Sản lượng (nghìn tấn)	19225,1	24963,7	32529,5	35832,9	38729,8	40005,6

a) Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng về diện tích, năng suất và sản lượng lúa cả năm của nước ta thời kì 1990 – 2010. (Năm 1990=100%)

b) Từ biểu đồ đã vẽ hãy nhận xét về sự tăng trưởng đó.

Câu 5 (2 điểm) Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

a) Xác định vị trí địa lí tỉnh Kiên Giang?

b) Kể tên các đơn vị hành chính của tỉnh Kiên Giang?

Hết

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂN HIỆP
HƯỚNG DẪN CHẤM THI HSG CẤP HUYỆN – ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN ĐỊA LÝ
NĂM HỌC 2017-2018

Câu	Đáp án	Điểm
1 4đ	<p>a/ Phân tích hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau trong các ngày 22-6 và 22-12:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày 22-6 (hạ chí): + Ở nửa cầu Bắc là ngày dài nhất: Do nửa cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời, ánh sáng Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến 23⁰27' Bắc (đường chí tuyến Bắc). Lúc bấy giờ nửa cầu Bắc có góc chiếu của ánh sáng Mặt Trời lớn hơn, nên sẽ có hiện tượng ngày dài, đêm ngắn. + Ngược lại ở nửa cầu Nam là ngày ngắn nhất: Do không ngả về phía Mặt Trời nên sẽ có hiện tượng ngược lại (ngày ngắn, đêm dài). - Trong 22-12 (đông chí): - Ở nửa cầu Nam là ngày dài nhất: Do nửa cầu Nam ngả về phía Mặt Trời, ánh sáng Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến 23⁰27' Nam (đường chí tuyến Nam). Lúc bấy giờ nửa cầu Nam có góc chiếu của ánh sáng Mặt Trời lớn hơn, nên sẽ có hiện tượng ngày dài, đêm ngắn. + Ngược lại ở nửa cầu Bắc là ngày ngắn nhất: Do không ngả về phía Mặt Trời nên sẽ có hiện tượng ngược lại (ngày ngắn, đêm dài). <p>b/ So sánh tỉ lệ 2 bản đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản đồ 1 có tỉ lệ 1:200.000 > bản đồ 2 có tỉ lệ 1:2.000.000 - Vì: Mẫu số bản đồ 2 > mẫu số bản đồ 1. Theo quy ước, mẫu số càng lớn thì tỉ lệ bản đồ càng nhỏ và ngược lại. 	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>1</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
2 4đ	<p>* Khái quát về Biển Đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là một biển rộng, có diện tích 3,477 triệu km² (lớn thứ hai trong các biển của Thái Bình Dương). - Là biển tương đối kín, trải rộng từ xích đạo tới chí tuyến bắc, phía đông và đông nam được bao bọc bởi các vòng cung đảo. - Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. <p>* Ảnh hưởng đến khí hậu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển Đông tăng ẩm làm độ ẩm tương đối của không khí đạt cao trên 80%. - Biển Đông làm giảm tính lục địa của bộ phận lãnh thổ phía Tây đất nước. - Biển đông mang đến lượng mưa, làm ẩm khối khí hậu lạnh mùa đông và làm mát khối khí nóng mùa hè, làm khí hậu nước ta mang đặc tính của khí hậu hải dương <p>* Ảnh hưởng đến địa hình</p> <p>Các địa hình ven biển đa dạng do có sự tác động của quá trình xâm thực, bồi tụ diễn ra trong quá trình tương tác giữa biển và lục địa. Đó là vịnh, đầm phá, cảng biển, đảo ven biển, rạn san hô, bờ biển mài mòn, các tam giác châu thổ...</p> <p>* Ảnh hưởng đến hệ sinh thái :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Hệ sinh thái rừng ngập mặn có diện tích tới 450 nghìn ha, cho năng suất sinh học cao, đặc biệt là sinh vật nước lợ. - Các hệ sinh thái trên đất phèn và hệ sinh thái rừng trên các đảo cũng đa dạng và phong phú. 	<p>0,5đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0, 5 đ</p>

<p>3 5đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Thuận lợi: <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ là dải đất kéo dài từ bắc xuống nam, hẹp từ tây sang đông, vị trí được coi là cầu nối giữa các vùng lãnh thổ phía bắc và phía nam đất nước . + Phía tây là dải núi trường Sơn Bắc và tiếp giáp với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Phía đông là biển Đông giàu tiềm năng + Đặc điểm vị trí địa lí trên giúp cho vùng mở rộng quan hệ với các vùng trong nước (Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Nam Trung Bộ, Trung du miền núi Bắc Bộ) . Phía đông là vùng biển Đông giàu tiềm năng, cho phép phát triển nhiều ngành kinh tế biển - Tài nguyên thiên nhiên : <ul style="list-style-type: none"> + Khoáng sản : phong phú, đa dạng như quặng sắt , crom, tiếc, đá vôi, sét, cao lanh ... + Đất đai: dải đồng bằng ven biển cho phép phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp hàng năm. Vùng đồi núi đất feralit thuận lợi phát triển cây công nghiệp lâu năm và vùng còn có các đồng cỏ để chăn nuôi đại gia súc. + Rừng khá phong phú, tỉ lệ đất lâm nghiệp có rừng bao phủ khá cao, Bắc Hoành Sơn là 61 %, Nam Hoành Sơn là 39 %. Bắc Trung Bộ có nhiều vườn quốc gia như Pù Mát, Bến En, Vũ Quang, Kẻ Bàng, Bạch Mã . + Đường bờ biển dài, vùng biển rộng giàu tiềm năng. + Du lịch biển với nhiều bãi tắm như Sầm Sơn, Cửa Lò, Thiên Cầm, Nhật Lệ ... + Số lượng các bãi tôm, bãi cá phong phú. + Dọc theo bờ biển, có nhiều địa điểm xây dựng các cảng biển. Nhân dân phát triển nghề làm muối. * Khó khăn : <ul style="list-style-type: none"> - Vị trí địa lí nằm trong khu vực có nhiều thiên tai như bão, sóng lớn, triều cường. - Địa hình có độ dốc lớn, đồng bằng nhỏ, hẹp ,về mùa mưa hay bị lũ quét. - Hiện tượng cát bay lấn vào đồng ruộng. 	<p>0,5 đ</p> <p>0, 5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,5 đ</p> <p>0,25 đ</p> <p>0,25 đ</p>																																			
<p>4 5đ</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Lập bảng xử lí số liệu: Tốc độ tăng trưởng diện tích, năng suất và sản lượng lúa cả năm của nước ta thời kì 1990 – 2010: <i>Đơn vị : %</i> <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">Năm</th> <th colspan="6"></th> </tr> <tr> <th style="text-align: center;">Chỉ tiêu</th> <th style="text-align: center;">1990</th> <th style="text-align: center;">1995</th> <th style="text-align: center;">2000</th> <th style="text-align: center;">2005</th> <th style="text-align: center;">2008</th> <th style="text-align: center;">2010</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">Diện tích</td> <td style="text-align: center;">100</td> <td style="text-align: center;">112</td> <td style="text-align: center;">126.9</td> <td style="text-align: center;">121.3</td> <td style="text-align: center;">122.8</td> <td style="text-align: center;">123.9</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Năng suất</td> <td style="text-align: center;">100</td> <td style="text-align: center;">116</td> <td style="text-align: center;">133.3</td> <td style="text-align: center;">153.8</td> <td style="text-align: center;">164.5</td> <td style="text-align: center;">167.9</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Sản lượng</td> <td style="text-align: center;">100</td> <td style="text-align: center;">129.8</td> <td style="text-align: center;">169.2</td> <td style="text-align: center;">186.4</td> <td style="text-align: center;">201.5</td> <td style="text-align: center;">208.1</td> </tr> </tbody> </table>	Năm							Chỉ tiêu	1990	1995	2000	2005	2008	2010	Diện tích	100	112	126.9	121.3	122.8	123.9	Năng suất	100	116	133.3	153.8	164.5	167.9	Sản lượng	100	129.8	169.2	186.4	201.5	208.1	<p>1,5</p>
Năm																																					
Chỉ tiêu	1990	1995	2000	2005	2008	2010																															
Diện tích	100	112	126.9	121.3	122.8	123.9																															
Năng suất	100	116	133.3	153.8	164.5	167.9																															
Sản lượng	100	129.8	169.2	186.4	201.5	208.1																															

- **Giám khảo lưu ý:** Nếu thí sinh làm bài không giống như đáp án nhưng vẫn đảm bảo nội dung kiến thức thì vẫn cho điểm, nhưng không vượt quá số điểm quy định của phần đó.